

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-ST

Ngày: 28-10-2021.

V/v “Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Phan Quốc Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tèo** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 245/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 265/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lương Ngọc T**, sinh năm 1958;

HKTT: Tổ 8, ấp B, xã B1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Ấp H, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T ủy quyền cho anh Nguyễn Trường T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp M1, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021).

Bị đơn: **Huỳnh Quốc N**, sinh năm 1980;

Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T1, anh N có mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Lương Ngọc T ủy quyền cho Nguyễn Trường T1 trình bày: Anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có hỏi vay tiền của ông T nhiều lần, cụ thể:

Ngày 28/12/2015 âm lịch, số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả là 08/01/2016.

Ngày 18/2/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn 10 ngày sau trả.

Ngày 28/4/2016 âm lịch, số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả là 04/5/2016.

Ngày 28/7/2016 (âm lịch) tức ngày 30/8/2016 dương lịch, số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả là 30/10/2016 dương lịch

Ngày 08/8/2016 (âm lịch) tức ngày 08/9/2016 dương lịch, số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả là 08/11/2016 (âm lịch) tức ngày 06/12/2016 dương lịch.

Ngày 02/10/2016 âm lịch, số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn trả là 29/01/2017.

Tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ thì vợ chồng anh N và chị L không chịu trả tiền.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng vay vào ngày 18/02/2016, sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu. Nay ông Lương Ngọc T yêu cầu anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 470.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 02/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2021) là 143.818.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng; tổng cộng là 613.818.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra, ông T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Huỳnh Quốc N trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì anh N không thống nhất. Anh N thừa nhận có vay của ông T 220.000.000 đồng vào các lần cụ thể: ngày 28/12/2015 âm lịch, số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn trả là 08/01/2016 và 08/8/2016 âm lịch, số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả là 08/11/2016. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Thời gian đầu anh N có đóng lãi cho ông T đầy đủ, thời gian sau do làm ăn khó khăn nên anh N ngưng không đóng tiền lãi cho ông T.

Vào các lần nguyên đơn trình bày là cho vay, cụ thể: Ngày 28/4/2016 âm lịch, số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 28/7/2016 âm lịch, số tiền 60.000.000 đồng, và ngày 02/10/2016 âm lịch, số tiền 140.000.000 đồng, đây không phải là tiền vay mà ông T kêu anh N ký giấy vay tiền, nhưng thực tế ông T không cho anh N vay tiền mà là anh N nợ tiền lãi, nhưng anh N không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày cũng không có ai chứng kiến sự việc. Anh N xác nhận hiện còn nợ ông T số tiền vay là 220.000.000 đồng tiền vay. Đối với yêu cầu của ông T yêu cầu anh N và chị L trả số tiền vay là 520.000.000 đồng thì

anh N không đồng ý, anh N đồng ý trả cho ông T số tiền là 220.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, anh Huỳnh Quốc N đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì hiện nay anh không còn khả năng trả nợ do làm ăn (kinh doanh) thu lỗ. Ngoài ra, anh N không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- *Tài liệu do Tòa án thu thập:*

+ Công văn số 75/CQCSĐT-ĐTTH ngày 29/4/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lãnh;

+ Biên bản ghi lời khai ngày 25/10/2018 (Bản sao y);

+ Biên bản ghi lời khai ngày 02/10/2018 (Bản sao y);

+ Biên bản ghi lời khai ngày 19/10/2018 (Bản sao y);

- *Đại diện nguyên đơn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:*

+ 01 Biên nhận, có nội dung Huỳnh Quốc N có mượn Lương Ngọc T 150.000.000 đồng (Bản chính)

+ 01 Biên nhận, có nội dung Huỳnh Quốc N có mượn Lương Ngọc T 50.000.000 đồng, đề ngày 28/4/2016 (Bản chính)

+ 01 Biên nhận, có nội dung Huỳnh Quốc N có mượn Lương Ngọc T 60.000.000 đồng, đề ngày 28/7/2016 (Bản chính)

+ 01 Tờ có ghi nội dung Huỳnh Quốc N có mượn Lương Ngọc T 70.000.000 đồng (Bản chính)

+ 01 Tờ có ghi nội dung Huỳnh Quốc N có mượn Lương Ngọc T 100.000.000 đồng, đề ngày 02/10/2016 (Bản chính)

+ Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu Lương Ngọc T (Bản photo);

- Bị đơn là anh Huỳnh Quốc N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

- Đối với bị đơn là chị Trần Thị Mỹ L thì Tòa án đã thông báo cho chị L biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu về việc chấp hành thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, việc chấp hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Huỳnh Quốc N thừa nhận vợ chồng anh có vay của ông Lương Ngọc T số tiền 470.000.000 đồng và hiện nay chưa trả. Anh N đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay 470.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì đang do làm ăn (kinh doanh) thu lỗ; khi vay số tiền của ông T thì chị L có ký tên vào các biên nhận và vay để sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 18/02/2016 là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 18/02/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa bị đơn là anh Huỳnh Quốc N thừa nhận có vay số tiền 470.000.000 đồng trên của ông T nên đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[3] Về tố tụng: Trong quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/9/2021 thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa là ông Đinh Văn Phong; Hội thẩm nhân dân được tham gia hội đồng xét xử là bà Võ Thị Diệp và ông Phạm Phước Tâm. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phong, bà Diệp bận công việc đột xuất nên không thể tiến hành phiên tòa. Đồng thời, chủ tọa được thay thế là thẩm phán Trịnh Hữu Chính; Hội thẩm nhân dân được thay thế là ông Phan

Quốc Tiến ; các đương sự thống nhất sự thay thế này nên phiên tòa được tiếp tục thực hiện.

Tại phiên tòa ngày 23/9/2021, ngày 30/9/2021 và ngày 28/10/2021, bị đơn chị Trần Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời chị L cũng không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông T xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì ông T không tranh chấp số tiền nào khác, trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 520.000.000 đồng và lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 18/02/2016 (sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu). Ông T chỉ yêu cầu anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 470.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 02/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2021) là 143.818.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng; tổng cộng là 613.818.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Xét thấy, việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh N và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng vay vào ngày 18/02/2016.

Còn đối với yêu cầu anh Quốc N và chị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 470.000.000 đồng và tiền lãi 143.818.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng (tính từ ngày 02/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2021); tổng cộng là 613.818.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Huỳnh Quốc N thừa nhận anh và chị Trần Thị Mỹ L (vợ anh N) có vay của ông Lương Ngọc T số tiền 470.000.000 đồng và hiện nay chưa trả cho ông T. Anh N đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng, anh N xin ông T không phải trả số tiền lãi vì hiện nay anh đang làm ăn (kinh doanh) thu lỗ, chưa có điều kiện trả cho ông T; việc anh N đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay là 470.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận; còn việc anh N xin ông T không phải trả số tiền lãi không được phía đại diện theo ủy quyền của ông T đồng ý. Mặt khác, anh N cũng thừa nhận khi vay số tiền trên của ông T thì chị L (vợ anh) biết, có ký tên vào các biên nhận và việc vay này là để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình (sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình). Do đó, việc ông T yêu cầu anh Quốc N và chị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 470.000.000 đồng và tiền lãi 143.818.000 đồng; tổng cộng là 613.818.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T.

[6] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T và anh N xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông T và anh N không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của ông Lương Ngọc T về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 613.818.000 đồng nên anh N và chị Mỹ L phải liên đới chịu 28.552.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lương Ngọc T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, do ông T là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Ngọc T.

- Buộc anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Ngọc T số tiền 613.818.000 đồng (Sáu trăm mười ba triệu tám trăm mười tám ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng (vay vào ngày 18/02/2016).

Về án phí:

+ Anh Huỳnh Quốc N và chị Trần Thị Mỹ L phải liên đới chịu 28.552.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lương Ngọc T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, do ông T là người cao tuổi.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Hữu Chính